

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp và ông Nguyễn Vũ Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Mỹ N**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị N kết hôn năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống chị N sống không phù hợp với mẹ chồng nàng dâu, không sửa đổi bản tính của mình, không đồng cảm chia sẻ, nói ra một vài tiếng thì cự cãi thời gian lâu dài vợ chồng có nhiều xích mích, anh có đánh chị N 03 lần. Ngoài ra, anh làm công tác tại địa phương nhưng chị N nói chuyện không nghĩ cho chồng, làm cho người khác không tín nhiệm. Anh ly thân với chị N 02 lần, mỗi lần ly thân anh về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống, thời gian ly thân gần đây nhất khoảng tháng 4/2018 do chị N hâm he kêu người đâm anh nên anh buồn, lo sợ và có làm đơn gửi chính quyền khóm và ly thân đến nay. Sự việc mâu thuẫn được hai gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không tìm ra được hướng giải quyết gây thêm mâu thuẫn cho hai gia đình. Nay anh xác định mâu thuẫn quá trầm trọng không thể hàn gắn chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2007. Sau khi ly hôn anh yêu cầu tự thỏa thuận nuôi con, chia tài sản và nợ.

- *Bị đơn chị Nguyễn Mỹ N trình bày:* Chị và anh M đi đến hôn nhân ngày 29/02/2002 do mai mối và có đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về nhà mẹ chồng sống làm dâu thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng gây cản, đòi từ chị và tuyên bố không cho sống với chồng. Quá trình chung sống, ngày 19/11/2015 anh M bỏ nhà đi 01 năm thì về nhà hành hạ vợ con, không chăm lo cho gia đình, không cho chị có quyền hành trong gia đình, nói ra thì cự cãi. Anh M về nhà ở được mấy tháng thì bỏ đi đến nay, có khi đi về tới lui, chị không biết anh M đi đâu, làm gì, hỏi thì anh M không nói. Từ khi chung sống đến nay anh M đánh chị 03 lần. Hai gia đình hàn gắn 02 lần nhưng không khắc phục được nguyên nhân mâu thuẫn. Sự việc mâu thuẫn trên diễn ra mười mấy năm nay, chị vẫn chịu đựng được và lo cho các con nên không đồng ý ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 con chung như anh M trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì yêu cầu tự thỏa thuận nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không muốn các con biết cha mẹ ly hôn nhau. Về tài sản chung và nợ cũng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh M và chị N kết hôn vào năm 2002, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện TVT ngày 24/4/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn như anh chị trình bày là thực tế đã xảy ra. Nguyên nhân bắt đầu từ khi chị N về làm dâu thì phát sinh mâu thuẫn với mẹ chồng, thời gian lâu dần vợ chồng bất đồng quan điểm, cự cãi, không đồng cảm chia sẻ công việc trong gia đình, anh M có hành vi bạo lực gia đình là đánh chị N, cho thấy anh M có lỗi và đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Sự việc mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức hàn gắn nhiều lần nhưng không thỏa thuận được và hiện nay vẫn sống ly thân nhau. Ngoài ra, tại phiên tòa chị N cũng xác định nếu chung sống lại thì hạnh phúc không đảm bảo nhưng vì con nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị N không có biện pháp hàn gắn chung sống hạnh phúc lại với nhau, trong khi anh M xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn chung sống. Từ các phân tích trên cho thấy đời sống hôn nhân của anh M và chị N không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M là có cơ sở.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2007. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị xác định tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con, cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Xét thấy các đương sự xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh M. Cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Mỹ N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2007. Anh chị xác định tự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và về nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh M phải chịu 300.000 đồng, anh đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008402 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, anh M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên

